**Phụ lục 1**

**Tình hình tổ chức bộ máy và nhân sự tại Chi cục Văn thư - Lưu trữ (số liệu tính đến hết tháng 12 năm 2017)**

*(Ban hành kèm theo Công văn số 229/VTLTNN-NVĐP ngày 16 tháng 3 năm 2018 của Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước)*

|  |  |
| --- | --- |
|  | **1. Tại Chi cục Văn thư - Lưu trữ** |
| **Stt** | **Tên phòng** | **Số lượng đào tạo đúng chuyên ngành** **văn thư - lưu trữ** | **Số lượng đào tạo chuyên ngành khác** |
| **Tổng** | **>ĐH** | **ĐH** | **CĐ** | **Trung cấp** | **Sơ cấp** | **Tổng** | **>ĐH** | **ĐH** | **CĐ** | **Trung cấp** | **Sơ cấp** | **Tên các chuyên ngành khác** |
| 1 | Chi cục trưởng |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Phó Chi cục trưởng |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | Số lượng công chức làm công tác quản lý nhà nước về VTLT |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | Số lượng viên chức làm chuyên môn về hoạt động lưu trữ (đối với những tỉnh chưa thành lập Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 5 | Số lượng công chức, người lao động hợp đồng làm hành chính, văn phòng |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng chung** | …… | …… | ….. | …… | ….. | …… | …… | …… | …… | …… | ……. | …… |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **2. Tại Trung tâm Lưu trữ lịch sử** (đối với những tỉnh đã thành lập Trung tâm Lưu trữ lịch sử) |
| **Stt** |  | **Tổng** | **>ĐH** | **ĐH** | **CĐ** | **Trung cấp** | **Sơ cấp** | **Tổng** | **>ĐH** | **ĐH** | **CĐ** | **Trung cấp** | **Sơ cấp** | **Tên các chuyên ngành khác** |
| 1 | Giám đốc Trung tâm |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Phó GĐ Trung tâm |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | Số lượng viên chức làm chuyên môn về hoạt động lưu trữ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | Số lượng viên chức, người lao động hợp đồng làm hành chính, văn phòng |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng chung** | ….. | …. | …... | …… | …… | ….. | ….. | ….. | ….. | ….. | …… | …… |  |